

Số: /KH-SGDĐT

Đắk Lắk, ngày tháng 8 năm 2021

KẾ HOẠCH

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-SGDĐT ngày 10/3/2021 về việc ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng trong hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-SGDĐT ngày 21/5/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030,

Sở GDĐT ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022 với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Triển khai ứng dụng CNTT trong lĩnh vực giáo dục đồng bộ, liên thông, linh hoạt để phục vụ cho công tác quản lý và dạy học/giáo dục một cách hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và thực hiện thành công chuyển đổi số trong giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, kế thừa, phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị, địa phương và có tính thống nhất cao.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

Trong giai đoạn 2021-2022, ngành GDĐT xây dựng và triển khai ứng dụng các phần mềm sau:

2.1. Ứng dụng CNTT trong công tác quản lý

Tiếp tục triển khai và ứng dụng có hiệu quả Cổng thông tin điện tử theo Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng GDĐT và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên; phần mềm chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

Duy trì, nâng cấp hệ thống họp trực tuyến tại 15 điểm cầu trên địa bàn tỉnh để đáp ứng tốt nhu cầu họp đột xuất và thường kỳ của Ngành.

Xây dựng và triển khai phần mềm thi đua, khen thưởng của Ngành.

2.2. Ứng dụng CNTT trong dạy học/giáo dục

2.2.1. Phần mềm học bạ điện tử

Triển khai phần mềm học bạ theo quy định của Bộ GDĐT, được kết nối với các cơ sở dữ liệu chung của nhà trường như điểm số, thông tin về học sinh, giáo viên, nhà trường, tuyển sinh..., thực hiện quản lý việc kiểm tra, đánh giá, xếp loại, nhận xét kết quả giáo dục học sinh một cách chính xác.

Học bạ điện tử có chức năng xem, sửa, ký số và thực hiện các thủ tục duyệt học bạ, nộp học bạ, rút học bạ, tuyển sinh, chuyển trường... một cách thuận lợi và tiết kiệm.

2.2.2. Phần mềm sổ đăng bộ điện tử, sổ liên lạc điện tử

Phần mềm sổ đăng bộ điện tử thay cho sổ đăng bộ đang sử dụng hiện hành, được dùng để ghi danh sách, thông tin cá nhân của học sinh nhập học theo khóa học được nhà trường lưu giữ không thời hạn.

2.2.3. Phần mềm quản lý học trực tuyến và thi trực tuyến

Phần mềm quản lý học trực tuyến và thi trực tuyến với nhiều tính năng: kiểm duyệt nội dung, kế hoạch bài dạy (giáo án) do giáo viên đưa lên; theo dõi tình hình dạy/học của của giáo viên/học sinh; xây dựng và quản lý kho học liệu chung của đơn vị; xây dựng và quản lý ngân hàng câu hỏi, đề thi chung của đơn vị; tạo bài giảng, lịch dạy linh động, xây dựng tổ chức các bài kiểm tra; theo dõi tiến trình học và kết quả học của học sinh; học và làm bài tập, bài kiểm tra trực tuyến mọi lúc, mọi nơi; thảo luận trực tuyến với giáo viên và các học sinh khác...

Hệ thống đảm bảo có các tính năng đáp ứng được các yêu cầu về quản lý và tổ chức dạy, học trực tuyến theo Thông tư 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/3/2021 Quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên

2.2.4. Phần mềm giáo án điện tử

Xây dựng phần mềm giáo án điện tử kết nối kho học liệu số, ngân hàng câu hỏi đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tiếp và trực tuyến.

2.2.5. Kho học liệu số trực tuyến

Xây dựng hệ thống học liệu trực tuyến (số hóa tài liệu, bài giảng..) kết nối với hệ thống học, thi online đồng thời đóng gói hỗ trợ học tập theo hình thức trực tiếp.

2.2.6. Phần mềm tuyển sinh trực tuyến

Phần mềm cho phép học sinh, cha mẹ học sinh tra cứu thông tin tuyển sinh, đăng ký tuyển sinh trực tuyến; giúp cho nhà trường, phòng GDĐT, Sở GDĐT quản lý tuyển sinh đầu cấp hằng năm một cách công bằng, khách quan, chính xác, thuận lợi và tiết kiệm.

2.3.7. Các ứng dụng CNTT khác

Xây dựng các công cụ hỗ trợ kết nối giữa nhà trường với phụ huynh học sinh như: ứng dụng sổ liên lạc điện tử, phần mềm tương tác với phụ huynh học sinh, ứng dụng mạng xã hội... nhằm kết nối giữa phụ huynh học sinh với nhà trường.

2.2.8. Phần mềm dinh dưỡng

Theo dõi mức độ phát triển của trẻ, cân đối khẩu phần dinh dưỡng hàng ngày chính xác, khoa học giúp nhà trường phối hợp cùng cha mẹ trẻ chăm sóc trẻ hợp lý, giảm thiểu tỷ lệ suy dinh dưỡng và béo phì.

2.3. Ứng dụng CNTT trong quản lý chất lượng giáo dục

2.3.1. Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia

Tiếp tục sử dụng và nâng cấp phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia gồm các chức năng chính như: tự đánh giá, đánh giá ngoài và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia.

2.3.2. Phần mềm quản lý văn bằng, chứng chỉ

Xây dựng CSDL quản lý văn bằng, chứng chỉ của Sở GDĐT, phòng GDĐT có kết nối với thông tin văn bằng chứng chỉ đã số hóa để quản lý hồ sơ tốt nghiệp khoa học, lâu dài, công khai thông tin văn bằng, chứng chỉ giúp cho việc tra cứu trực tuyến, xác minh thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.

Phần mềm có các chức năng chính như: Cập nhật, tìm kiếm, thống kê số liệu quản lý một cách nhanh chóng, chính xác; hỗ trợ cung cấp đủ thông tin, tra cứu, văn bằng, chứng chỉ phục vụ nhu cầu thẩm định, xác minh ngăn chặn việc sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả.

2.3.3. Số hóa hồ sơ văn bằng, chứng chỉ

Thông tin về văn bằng, chứng chỉ (hiện tại đang được lưu bằng bản giấy) sau khi được số hóa sẽ được cập nhật lên phần mềm quản lý văn bằng, chứng chỉ phục vụ cho việc tra cứu thuận tiện và lưu trữ lâu dài.

2.3.5. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành(CSDL)

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện CSDL ngành đảm bảo chính xác, có tính cập nhật, liên thông CSDL từ các phần mềm quản lý nhà trường tại các cơ sở giáo dục lên hệ thống CSDL ngành để phục vụ hiệu quả cho công tác thống kê, báo cáo; cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý, dự báo và lập kế hoạch phát triển giáo dục vào đào tạo.

2.4. Ứng dụng CNTT trong quản lý đội ngũ

2.4.1. Phần mềm đánh giá chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp giáo viên (TEMIS)

Phần mềm TEMIS phục vụ việc đánh giá và quản lý kết quả đánh giá giáo viên, đánh giá cán bộ quản lý giáo dục của các cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GDĐT.

2.4.2. Phần mềm về bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên (LMS)

Cung cấp hệ thống quản lý, hỗ trợ học tập trực tuyến cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên trong nội dung bồi dưỡng thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông 2018 và bồi dưỡng thường xuyên.

2.4.4. Phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của Ngành

Phần mềm cho phép quản lý, khai thác hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT, bao gồm các nhóm chức năng chính như: Quản lý tổ chức, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức, quản lý quá trình công tác, quá trình lương, phụ cấp; quá trình đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật; quá trình bảo hiểm, nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn; quản lý điều động, chuyển chuyên, bổ nhiệm/bổ nhiệm lại; tra cứu, tìm kiếm, thống kê số lượng hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc.

2.5. Ứng dụng CNTT trong quản lý tài chính, tài sản

Tiếp tục sử dụng và nâng cấp các phần mềm về kế toán bao gồm các chức năng quản lý các khoản thu/chi, quản lý thiết bị dạy học, quản lý tài sản và quản lý các chế độ chính sách.

III. XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THIẾT BỊ CNTT

Duy trì và kết nối cáp quang Internet tới 100% các cơ sở giáo dục: khuyến khích các nhà trường sử dụng hệ thống internet của Tập đoàn viễn thông quân đội Viettel; Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT).

Rà soát và có kế hoạch mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học/giáo dục; tăng cường đầu tư trang thiết bị mở rộng các điểm cầu, số hóa trong các cuộc họp, hội nghị.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước bố trí trong dự toán cho giai đoạn 2021-2022; các nguồn thu hợp pháp từ đơn vị và xã hội hóa (nếu có).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Phòng Quản lý chất lượng - Công nghệ thông tin

Phòng QLCL-CNTT làm đầu mối triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022; trực tiếp phụ trách các phần mềm quản lý chất lượng giáo dục và cơ sở dữ liệu Ngành; triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị

về thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT vào quản lý và dạy học.

5.2. Phòng Giáo dục trung học - Giáo dục thường xuyên

Trực tiếp phụ trách ứng dụng CNTT vào dạy học cấp trung học; triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị về việc áp dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động dạy học, bồi dưỡng giáo viên cấp trung học, hồ sơ giáo viên và các ứng dụng khác liên quan; xây dựng các quy chế sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.

Phối hợp với Phòng QLCL-CNTT xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành theo lĩnh vực được phân công.

5.3. Phòng Giáo dục tiểu học- Giáo dục mầm non

Trực tiếp phụ trách ứng dụng CNTT vào dạy học cấp tiểu học, mầm non; triển khai, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị về việc áp dụng các phần mềm trong quản lý hoạt động dạy học; bồi dưỡng giáo viên cấp tiểu học và mầm non, hồ sơ giáo viên và các ứng dụng khác liên quan; phối hợp xây dựng quy chế sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ điện tử.

Phối hợp với Phòng QLCL-CNTT xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành theo lĩnh vực được phân công.

5.4. Phòng Tổ chức cán bộ - Chính trị, tư tưởng

Trực tiếp phụ trách các phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở GDĐT; ứng dụng CNTT vào công tác nhân sự, bồi dưỡng giáo viên.

Phối hợp với Phòng QLCL-CNTT xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu ngành theo lĩnh vực được phân công.

5.5. Phòng Kế hoạch -Tài chính

Trực tiếp phụ trách phần mềm phần mềm về kế toán, quản lý thiết bị dạy học, quản lý tài sản và quản lý các chế độ chính sách.

Bố trí kinh phí để triển khai thực hiện nội dung Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022.

Phối hợp với Phòng QLCL-CNTT xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành theo lĩnh vực được phân công.

5.6. Văn phòng

Trực tiếp phụ trách Công thông tin điện tử, phần mềm quản lý văn bản, phần mềm thi đua, khen thưởng; phần mềm chữ ký số; hệ thống họp trực tuyến của ngành.

Phối hợp với Phòng QLCL-CNTT xây dựng và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu Ngành theo lĩnh vực được phân công.

5.7. Các phòng giáo dục và đào tạo

Căn cứ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022, các phòng GDĐT xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện tại các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn quản lý.

5.8. Các trường phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học và các trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên

Căn cứ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022 các đơn vị xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch ứng dụng CNTT trong quản lý giáo dục và dạy học, giai đoạn 2021-2022, Sở GDĐT yêu cầu các đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Sở GDĐT để hỗ trợ, tư vấn triển khai; điện thoại: 02623.817.146, email: phongtktd.sodaklak@moet.edu.vn./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng CMNV Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Các phòng GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL-CNTT.

GIÁM ĐỐC

Phạm Đăng Khoa